

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận tốt nghiệp Cao đẳng năm 2016 (đợt 1)

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ - KẾ HOẠCH ĐÀ NẴNG

Căn cứ Quyết định số 3858/2001/QĐ-BGD&ĐT-TCCB ngày 28 tháng 6 năm 2001 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo “Về việc thành lập Trường Cao đẳng Kinh tế - Kế hoạch Đà Nẵng”;

Căn cứ Quyết định số 694/QĐ-BKH ngày 27 tháng 11 năm 2001 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư “Về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Trường Cao đẳng Kinh tế - Kế hoạch Đà Nẵng”;

Căn cứ Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành “Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ” và Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT ngày 27 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc “Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ”;

Căn cứ Quyết định số 230/QĐ-KTKH ngày 21 tháng 5 năm 2013 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kinh tế - Kế hoạch Đà Nẵng về việc ban hành “Thực hiện đào tạo Cao đẳng hệ chính quy theo học chế tín chỉ của Trường Cao đẳng Kinh tế - Kế hoạch Đà Nẵng”;

Căn cứ biên bản họp ngày 11 tháng 4 năm 2016 của Hội đồng xét công nhận tốt nghiệp về việc đề nghị Hiệu trưởng công nhận tốt nghiệp cao đẳng năm 2016 hệ chính quy,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh danh sách được công nhận tốt nghiệp kèm theo Quyết định số 338/QĐ-KTKH ngày 15 tháng 3 năm 2016 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kinh tế - Kế hoạch Đà Nẵng, cụ thể:

- **Hệ cao đẳng khóa vào trường năm 2008:**

+ Ngành Quản trị kinh doanh:

01 sinh viên

01 sinh viên



- Hệ cao đẳng khóa vào trường năm 2010:	02 sinh viên
+ Ngành Kế toán:	01 sinh viên
+ Ngành Tài chính – Ngân hàng:	01 sinh viên
- Hệ cao đẳng khóa vào trường năm 2011:	17 sinh viên
+ Ngành Quản trị kinh doanh:	03 sinh viên
+ Ngành Kế toán:	04 sinh viên
+ Ngành Tài chính – Ngân hàng:	05 sinh viên
+ Ngành Tiếng Anh:	05 sinh viên
- Hệ cao đẳng khóa vào trường năm 2012:	125 sinh viên
+ Ngành Quản trị kinh doanh:	37 sinh viên
+ Ngành Kế toán:	55 sinh viên
+ Ngành Tài chính – Ngân hàng:	15 sinh viên
+ Ngành Tiếng Anh:	18 sinh viên
- Hệ cao đẳng khóa vào trường năm 2013:	124 sinh viên
+ Ngành Quản trị kinh doanh:	44 sinh viên
+ Ngành Kế toán:	70 sinh viên
+ Ngành Tài chính – Ngân hàng:	10 sinh viên

(Có danh sách kèm theo)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng phòng Quản lý đào tạo, Trưởng các Khoa, Phòng liên quan và sinh viên có tên ở điều 1 căn cứ quyết định thi hành. / *anh*

Nơi nhận:

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư (để b/c);
- Bộ Giáo dục và Đào tạo (để b/c);
- Như điều 3;
- Lưu: VT, QLĐT.



PHÓ HIỆU TRƯỞNG

ThS. Nguyễn Văn Huỳnh



DANH SÁCH SINH VIÊN CAO ĐẲNG HỆ CHÍNH QUY ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐỢT 1 NĂM 2016

(Kèm theo Quyết định số: 42 /QĐ-KTKH ngày 12 tháng 4 năm 2016 của Hiệu trưởng)

STT	LỚP	CHUYÊN NGÀNH	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	ĐIỂM TBTL		Xếp loại Rèn luyện	Xếp loại Tốt nghiệp
								Thang 4	Thang 10		
1	CQT2_08	Quản trị doanh nghiệp	081183102225	Nguyễn Văn	Hùng	Nam	Quảng Ngãi	2,06	6,21	Tốt	Trung bình
2	KTTH7_10	Kế toán tổng hợp	101183201746	Nguyễn Nghĩa	Trình	Nam	Đà Nẵng	2,04	6,23	Trung bình	Trung bình
3	NH5_10	Ngân hàng	101183301511	Nguyễn Phi	Đoàn	Nam	Đà Nẵng	2,78	7,38	Yếu	Khá
4	QTDN3_11	Quản trị doanh nghiệp	111183102339	Nguyễn Văn	Tân	Nam	Quảng Nam	2,41	6,85	Tốt	Trung bình
5	QTDN3_11	Quản trị doanh nghiệp	111183102352	Võ Đức	Trình	Nam	Thừa Thiên Huế	2,57	7,11	Tốt	Khá
6	QTDN4_11	Quản trị doanh nghiệp	111183102428	Hồ Thị Như	Mai	Nữ	Đà Nẵng	2,54	7,02	Tốt	Khá
7	KTTH10_11	Kế toán tổng hợp	111183201028	Phan Thị Thủy	Ngân	Nữ	Quảng Nam	2,37	6,79	Tốt	Trung bình
8	KTTH10_11	Kế toán tổng hợp	111183201045	Trần Thị Kim	Yến	Nữ	Quảng Ngãi	2,82	7,36	Khá	Khá
9	KTTH5_11	Kế toán tổng hợp	111183201533	Nguyễn Thị	Nhung	Nữ	Nghệ An	2,03	6,14	TB Khá	Trung bình
10	KTTH8_11	Kế toán tổng hợp	111183201807	Phan Thị Ngọc	Dung	Nữ	Quảng Nam	3,19	8,12	Tốt	Giỏi
11	NH2_11	Ngân hàng	111183301211	Nguyễn Thị Ngọc	Hân	Nữ	Quảng Nam	2,29	6,64	TB Khá	Trung bình
12	NH3_11	Ngân hàng	111183301346	Đinh Quỳnh	Trang	Nữ	Quảng Nam	2,55	6,84	Trung bình	Khá
13	TCDN1_11	Tài chính doanh nghiệp	111183303152	Lê Thị Hồng	Vân	Nữ	Đà Nẵng	2,00	6,04	Xuất sắc	Trung bình
14	TCDN2_11	Tài chính doanh nghiệp	111183303213	Nguyễn Thanh	Hải	Nam	Đắk Lắk	2,55	6,96	Tốt	Khá
15	TCDN2_11	Tài chính doanh nghiệp	111183303246	Nguyễn Thị Thu	Thảo	Nữ	Đà Nẵng	3,10	7,80	Tốt	Khá
16	TATM1_11	Tiếng Anh thương mại	111183401115	Nguyễn Thị Hoài	Nhi	Nữ	Quảng Nam	2,05	6,28	Khá	Trung bình
17	TATM2_11	Tiếng Anh thương mại	111183401216	Đỗ Lê Hoàng	Oanh	Nữ	Đà Nẵng	2,49	6,81	Khá	Trung bình
18	TATM3_11	Tiếng Anh thương mại	111183401321	Trịnh Thị	Thu	Nữ	Quảng Nam	2,35	6,67	Khá	Trung bình
19	TATM4_11	Tiếng Anh thương mại	111183401405	Phạm Thị Thu	Hà	Nữ	Quảng Nam	2,35	6,83	TB Khá	Trung bình
20	TATM4_11	Tiếng Anh thương mại	111183401426	Huyền Thị Thiên	Trang	Nữ	Quảng Nam	2,33	6,59	Tốt	Trung bình
21	QTDN1_12	Quản trị doanh nghiệp	121183102101	Nguyễn Thị Thùy	Anh	Nữ	Quảng Trị	2,28	6,55	Khá	Trung bình
22	QTDN1_12	Quản trị doanh nghiệp	121183102106	Đinh Công	Cường	Nam	Quảng Nam	2,23	6,57	Khá	Trung bình
23	QTDN1_12	Quản trị doanh nghiệp	121183102123	Hoàng Thị Thu	Hường	Nữ	Đà Nẵng	2,17	6,37	Khá	Trung bình
24	QTDN1_12	Quản trị doanh nghiệp	121183102125	Nguyễn Thị Thu	Huyền	Nữ	Đà Nẵng	2,61	6,99	Khá	Khá
25	QTDN1_12	Quản trị doanh nghiệp	121183102131	Phan Văn	Mẫn	Nam	Đà Nẵng	2,48	6,91	Tốt	Trung bình
26	QTDN1_12	Quản trị doanh nghiệp	121183102160	Đỗ Thị Như	Ý	Nữ	Quảng Trị	2,26	6,64	Khá	Trung bình
27	QTDN2_12	Quản trị doanh nghiệp	121183102230	Nguyễn Thị Ngọc	Lan	Nữ	Thừa Thiên Huế	2,71	7,19	Khá	Khá
28	QTDN2_12	Quản trị doanh nghiệp	121183102232	Nguyễn Thị	Loan	Nữ	Thừa Thiên Huế	3,09	7,81	Tốt	Khá
29	QTDN2_12	Quản trị doanh nghiệp	121183102236	Trần	Mến	Nam	Quảng Nam	2,53	6,93	Tốt	Khá
30	QTDN2_12	Quản trị doanh nghiệp	121183102239	Nguyễn Thị Yến	Nhi	Nữ	Đà Nẵng	2,06	6,31	TB Khá	Trung bình

STT	LỚP	CHUYÊN NGÀNH	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	ĐIỂM TBTL		Xếp loại Rèn luyện	Xếp loại Tốt nghiệp
								Thang 4	Thang 10		
31	QTDN2_12	Quản trị doanh nghiệp	121183102242	Đoàn Thị Trâm	18/05/1994	Nữ	Hà Tĩnh	2,15	6,37	Xuất sắc	Trung bình
32	QTDN2_12	Quản trị doanh nghiệp	121183102256	Nguyễn Thị Trinh	01/02/1994	Nữ	Quảng Nam	2,29	6,60	Khá	Trung bình
33	QTDN3_12	Quản trị doanh nghiệp	121183102322	Đặng Thị Thanh Hương	09/08/1994	Nữ	Quảng Trị	2,24	6,53	Khá	Trung bình
34	QTDN3_12	Quản trị doanh nghiệp	121183102324	Bùi Văn Huy	30/11/1994	Nam	Đà Nẵng	2,40	6,72	Khá	Trung bình
35	QTDN3_12	Quản trị doanh nghiệp	121183102327	Phạm Đình Khánh	06/05/1994	Nam	Quảng Nam	2,03	6,21	TB Khá	Trung bình
36	QTDN3_12	Quản trị doanh nghiệp	121183102329	Trần Thị Liên	09/03/1994	Nữ	Quảng Nam	2,54	6,96	Khá	Khá
37	QTDN3_12	Quản trị doanh nghiệp	121183102333	Nguyễn Hoài Liên	08/12/1993	Nam	Quảng Trị	2,14	6,42	Tốt	Trung bình
38	QTDN3_12	Quản trị doanh nghiệp	121183102339	Nguyễn Thị Hồng Nở	27/10/1994	Nữ	Quảng Nam	2,91	7,40	Tốt	Khá
39	QTDN4_12	Quản trị doanh nghiệp	121183102406	Nguyễn Thị Hồng Đào	10/10/1994	Nữ	Quảng Nam	2,54	7,14	Khá	Khá
40	QTDN4_12	Quản trị doanh nghiệp	121183102417	Nguyễn Thị Thúy Hoài	22/03/1994	Nữ	Quảng Nam	2,23	6,47	Khá	Trung bình
41	QTDN4_12	Quản trị doanh nghiệp	121183102454	Nguyễn Thị Huyền Trinh	28/01/1994	Nữ	Quảng Trị	2,15	6,42	Khá	Trung bình
42	QTDN5_12	Quản trị doanh nghiệp	121183102515	Trần Quốc Huy	11/12/1993	Nam	Đà Nẵng	2,01	6,01	Trung bình	Trung bình
43	QTDN5_12	Quản trị doanh nghiệp	121183102521	Nguyễn Thị Thùy Linh	11/08/1994	Nữ	Quảng Ngãi	2,61	7,06	Khá	Khá
44	QTDN5_12	Quản trị doanh nghiệp	121183102530	Trần Trọng Nghĩa	07/11/1991	Nam	Quảng Nam	2,36	6,70	Khá	Trung bình
45	QTDN5_12	Quản trị doanh nghiệp	121183102537	Đào Ngọc Hải Tây	27/07/1993	Nam	Đà Nẵng	2,53	6,98	Khá	Khá
46	QTDN5_12	Quản trị doanh nghiệp	121183102545	Nguyễn Đức Thịnh	25/02/1994	Nam	Quảng Nam	2,04	6,28	Khá	Trung bình
47	QTDN5_12	Quản trị doanh nghiệp	121183102555	Hồ Thị Phương Trinh	24/07/1994	Nữ	Đà Nẵng	2,04	6,26	Khá	Trung bình
48	QTDN5_12	Quản trị doanh nghiệp	121183102560	Nguyễn Thị Huyền Vi	16/01/1993	Nữ	Đà Nẵng	2,22	6,66	Khá	Trung bình
49	Mar1_12	Quản trị Marketing	121183103119	Hồ Thị Hồng Nga	26/03/1994	Nữ	Quảng Nam	2,17	6,44	TB Khá	Trung bình
50	Mar1_12	Quản trị Marketing	121183103148	Nguyễn Thị Tường Vi	13/07/1994	Nữ	Đà Nẵng	2,63	7,11	TB Khá	Khá
51	Mar1_12	Quản trị Marketing	121183103150	Lê Thị Yên	01/08/1994	Nữ	Quảng Trị	2,56	7,02	Khá	Khá
52	Mar2_12	Quản trị Marketing	121183103151	Phạm Thảo Trang	29/08/1992	Nữ	Đà Nẵng	2,14	6,28	Trung bình	Trung bình
53	Mar2_12	Quản trị Marketing	121183103206	Trần Thị Yên Hằng	01/05/1994	Nữ	Quảng Nam	2,19	6,42	TB Khá	Trung bình
54	Mar2_12	Quản trị Marketing	121183103210	Dương Thị Thủy Linh	01/10/1994	Nữ	Quảng Bình	2,61	7,06	Tốt	Khá
55	Mar2_12	Quản trị Marketing	121183103221	Nguyễn Thị Hoài Thị	01/01/1994	Nữ	Quảng Nam	2,12	6,40	Khá	Trung bình
56	Mar2_12	Quản trị Marketing	121183103223	Trần Thị Nhật Trinh	16/02/1994	Nữ	Thừa Thiên Huế	2,26	6,56	Tốt	Trung bình
57	Mar2_12	Quản trị Marketing	121183103231	Trần Thị Phúc	22/08/1994	Nữ	Quảng Nam	2,63	7,09	Tốt	Khá
58	KTTTH10_12	Kế toán tổng hợp	121183201001	Hoàng Thị Thủy Anh	13/02/1994	Nữ	Hung Yên	2,27	6,56	Khá	Trung bình
59	KTTTH10_12	Kế toán tổng hợp	121183201002	Trần Thị Ngọc Ánh	10/02/1994	Nữ	Thừa Thiên Huế	2,30	6,64	Khá	Trung bình
60	KTTTH1_12	Kế toán tổng hợp	121183201105	Đặng Thị Hằng	25/07/1994	Nữ	Nghệ An	2,12	6,33	Khá	Trung bình
61	KTTTH1_12	Kế toán tổng hợp	121183201109	Nguyễn Thị Hiền	03/07/1994	Nữ	Nghệ An	2,81	7,37	Tốt	Khá
62	KTTTH1_12	Kế toán tổng hợp	121183201112	Phạm Thị Thu Hiền	27/07/1993	Nữ	Thừa Thiên Huế	2,03	6,24	Tốt	Trung bình
63	KTTTH1_12	Kế toán tổng hợp	121183201148	Trần Thị Bích Thùy	20/11/1994	Nữ	Thừa Thiên Huế	2,15	6,30	Khá	Trung bình

STT	LỚP	CHUYÊN NGÀNH	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	ĐIỂM TBTL		Xếp loại Rèn luyện	Xếp loại Tốt nghiệp
								Thang 4	Thang 10		
64	KTHH2_12	Kế toán tổng hợp	121183201218	Nguyễn Thị Phương	07/07/1994	Nữ	Quảng Nam	2,23	6,59	Tốt	Trung bình
65	KTHH2_12	Kế toán tổng hợp	121183201227	Nguyễn Thị Nga	11/07/1994	Nữ	Quảng Trị	2,59	6,96	Tốt	Khá
66	KTHH2_12	Kế toán tổng hợp	121183201233	Nguyễn Thị Phụng	15/07/1994	Nữ	Đà Nẵng	2,52	6,94	Tốt	Khá
67	KTHH2_12	Kế toán tổng hợp	121183201244	Dương Thị Minh	16/06/1994	Nữ	Quảng Bình	2,14	6,32	Tốt	Trung bình
68	KTHH2_12	Kế toán tổng hợp	121183201247	Trần Thị Ngọc	21/10/1993	Nữ	Đà Nẵng	2,64	7,22	Tốt	Khá
69	KTHH3_12	Kế toán tổng hợp	121183201302	Đinh Thị Chi	13/07/1994	Nữ	Quảng Ngãi	2,76	7,31	Tốt	Khá
70	KTHH3_12	Kế toán tổng hợp	121183201340	Thái Thu Thảo	29/08/1993	Nữ	Hà Tĩnh	3,27	8,13	Tốt	Giỏi
71	KTHH4_12	Kế toán tổng hợp	121183201413	Đoàn Thị Hiếu	13/10/1993	Nữ	Quảng Nam	2,83	7,52	Tốt	Khá
72	KTHH4_12	Kế toán tổng hợp	121183201437	Trần Thị Thao	18/05/1993	Nữ	Nghệ An	3,24	7,94	Tốt	Giỏi
73	KTHH4_12	Kế toán tổng hợp	121183201438	Hồ Thị Bích Thảo	25/04/1993	Nữ	Quảng Trị	2,56	7,12	Tốt	Khá
74	KTHH4_12	Kế toán tổng hợp	121183201461	Châu Thị Mỹ Linh	28/09/1993	Nữ	Thừa Thiên Huế	2,41	6,82	Xuất sắc	Trung bình
75	KTHH5_12	Kế toán tổng hợp	121183201506	Nguyễn Thị Mỹ Dung	27/10/1994	Nữ	Hà Tĩnh	2,36	6,65	Tốt	Trung bình
76	KTHH5_12	Kế toán tổng hợp	121183201521	Lê Thị Thanh Huyền	19/09/1994	Nữ	Hà Tĩnh	2,31	6,58	TB Khá	Trung bình
77	KTHH5_12	Kế toán tổng hợp	121183201528	Trần Thị Mỹ Na	07/03/1994	Nữ	Quảng Trị	2,04	6,13	Khá	Trung bình
78	KTHH5_12	Kế toán tổng hợp	121183201537	Vũ Thị Kim Anh	05/08/1994	Nữ	Hà Tĩnh	2,34	6,61	Khá	Trung bình
79	KTHH6_12	Kế toán tổng hợp	121183201601	Nguyễn Thị Hồng	27/04/1994	Nữ	Đà Nẵng	2,60	7,15	Tốt	Khá
80	KTHH7_12	Kế toán tổng hợp	121183201712	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	04/04/1994	Nữ	Đà Nẵng	2,53	7,05	Khá	Khá
81	KTHH7_12	Kế toán tổng hợp	121183201722	Hà Thị Linh	13/03/1994	Nữ	Thanh Hóa	2,95	7,63	Tốt	Khá
82	KTHH7_12	Kế toán tổng hợp	121183201724	Trần Phương Huệ	28/02/1994	Nữ	Đắk Lắk	2,55	7,04	Tốt	Khá
83	KTHH7_12	Kế toán tổng hợp	121183201752	Lê Thị Hương Uyên	31/07/1994	Nữ	Đà Nẵng	2,40	6,63	Tốt	Trung bình
84	KTHH7_12	Kế toán tổng hợp	121183201758	Lê Thị Thu Yên	25/04/1993	Nữ	Quảng Nam	2,55	6,98	Tốt	Khá
85	KTHH9_12	Kế toán tổng hợp	121183201901	Nguyễn Thị An	15/12/1994	Nữ	Nghệ An	2,51	6,94	TB Khá	Khá
86	KTHH9_12	Kế toán tổng hợp	121183201905	Lê Thị Ngọc Anh	08/04/1994	Nữ	Thừa Thiên Huế	2,81	7,46	Khá	Khá
87	KTHH9_12	Kế toán tổng hợp	121183201907	Nguyễn Thị Thanh Bình	13/08/1992	Nữ	Đà Nẵng	3,54	8,51	Khá	Giỏi
88	KTHH9_12	Kế toán tổng hợp	121183201922	Nguyễn Thị Huyền	01/02/1994	Nữ	Quảng Nam	3,30	8,20	Tốt	Giỏi
89	KTHH9_12	Kế toán tổng hợp	121183201945	Nguyễn Lương Tâm	22/11/1993	Nam	Quảng Bình	2,27	6,64	Khá	Trung bình
90	KTHH9_12	Kế toán tổng hợp	121183201946	Phan Văn Thăng	24/06/1991	Nam	Vĩnh Phú	2,60	7,14	Trung bình	Khá
91	KTHH9_12	Kế toán tổng hợp	121183201955	Nguyễn Thị Hồng Tươi	17/06/1994	Nữ	Gia Lai	2,27	6,60	Khá	Trung bình
92	KTHH11_12	Kế toán tổng hợp	121183211101	Lê Hoàng Anh	14/03/1994	Nữ	Quảng Bình	2,64	7,12	Tốt	Khá
93	KTHH11_12	Kế toán tổng hợp	121183211120	Nguyễn Thị Hoa	05/10/1994	Nữ	Nghệ An	2,55	7,01	Khá	Khá
94	KTHH11_12	Kế toán tổng hợp	121183211123	Nguyễn Thị Thanh Huyền	05/01/1994	Nữ	Quảng Ngãi	2,49	6,93	Khá	Trung bình
95	KTHH11_12	Kế toán tổng hợp	121183211142	Phùng Thị Bích Thảo	25/08/1994	Nữ	Đà Nẵng	2,65	7,20	Tốt	Khá
96	KTHH14_12	Kế toán tổng hợp	121183211159	Võ Thị Khuê	24/07/1994	Nữ	Quảng Nam	2,51	6,92	Khá	Khá

STT	LỚP	CHUYÊN NGÀNH	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	ĐIỂM TBTL		Xếp loại Rèn luyện	Xếp loại Tốt nghiệp
								Thang 4	Thang 10		
97	KTHH2_12	Kế toán tổng hợp	121183211201	Nguyễn Thị Vân	Anh	Nữ	Nghệ An	2,53	6,93	Khá	Khá
98	KTHH2_12	Kế toán tổng hợp	121183211205	Phạm Xuân	Dũng	Nam	Nghệ An	2,43	6,82	Khá	Trung bình
99	KTHH2_12	Kế toán tổng hợp	121183211206	Phan Anh	Dũng	Nam	Quảng Bình	2,00	6,31	Khá	Trung bình
100	KTHH2_12	Kế toán tổng hợp	121183211255	Lê Văn	Viễn	Nam	Quảng Nam	2,02	6,22	Tốt	Trung bình
101	KTHH3_12	Kế toán tổng hợp	121183211305	Trịnh Tuấn	Anh	Nam	Thanh Hóa	2,38	6,79	Tốt	Trung bình
102	KTHH3_12	Kế toán tổng hợp	121183211309	Hoàng Trung	Đức	Nam	Quảng Bình	2,34	6,62	TB Khá	Trung bình
103	KTHH3_12	Kế toán tổng hợp	121183211329	Ngô Thị	Linh	Nữ	Quảng Nam	2,41	6,80	Khá	Trung bình
104	KTHH3_12	Kế toán tổng hợp	121183211337	Ngô Thị	Nhật	Nữ	Quảng Nam	3,24	8,08	Tốt	Giỏi
105	KTHH3_12	Kế toán tổng hợp	121183211346	Trần Thị Thanh	Tuyết	Nữ	Quảng Nam	2,06	6,38	Khá	Trung bình
106	KTHH3_12	Kế toán tổng hợp	121183211353	Đặng Thị ánh	Tuyết	Nữ	Đà Nẵng	2,16	6,32	Khá	Trung bình
107	KTHH4_12	Kế toán tổng hợp	121183211403	Huyền Thị Tuyết	Anh	Nữ	Quảng Nam	2,15	6,34	Tốt	Trung bình
108	KTHH4_12	Kế toán tổng hợp	121183211424	Nguyễn Hà Thu	Hiếu	Nữ	Đà Nẵng	2,28	6,57	Khá	Trung bình
109	KTHH4_12	Kế toán tổng hợp	121183211425	Nguyễn Thị	Hương	Nữ	Hà Tĩnh	2,19	6,34	Khá	Trung bình
110	KTHH4_12	Kế toán tổng hợp	121183211433	Nguyễn Thị Hằng	My	Nữ	Thừa Thiên Huế	2,01	6,34	Khá	Trung bình
111	KTHH4_12	Kế toán tổng hợp	121183211436	Nguyễn Thị Kim	Ngọc	Nữ	Đà Nẵng	2,11	6,27	Khá	Trung bình
112	KTHH9_12	Kế toán tổng hợp	121183211466	Lê Thị Thùy	Anh	Nữ	Quảng Trị	2,05	6,16	Khá	Trung bình
113	NHH1_12	Ngân hàng	121183301138	Võ Văn	Quang	Nam	Đà Nẵng	2,06	6,39	Khá	Trung bình
114	NHH1_12	Ngân hàng	121183301152	Phan Công Nhật	Tuấn	Nam	Đà Nẵng	2,04	6,24	Khá	Trung bình
115	NHH1_12	Ngân hàng	121183301155	Vân Thị Minh	Oanh	Nữ	Đà Nẵng	2,09	6,37	TB Khá	Trung bình
116	NHH2_12	Ngân hàng	121183301202	Nguyễn Thị Quỳnh	Anh	Nữ	Quảng Bình	2,50	7,08	Khá	Khá
117	NHH2_12	Ngân hàng	121183301216	Võ Thị Ngọc	Hà	Nữ	Quảng Trị	2,58	7,13	Tốt	Khá
118	NHH2_12	Ngân hàng	121183301241	Hoàng Như	Quỳnh	Nữ	Hà Tĩnh	3,34	8,23	Khá	Giỏi
119	NHH2_12	Kế toán doanh nghiệp	121183301241	Hoàng Như	Quỳnh	Nữ	Hà Tĩnh	3,49	8,49	Khá	Giỏi
120	NHH2_12	Ngân hàng	121183301245	Lê Phạm Thị Phước	Thảo	Nữ	Quảng Nam	2,19	6,42	Khá	Trung bình
121	NHH2_12	Ngân hàng	121183301254	Phạm Thị Thanh	Xuân	Nữ	Đà Nẵng	2,79	7,35	Khá	Khá
122	NHH3_12	Ngân hàng	121183301313	Nguyễn Thị	Linh	Nữ	Thanh Hóa	2,03	6,32	Khá	Trung bình
123	NHH3_12	Ngân hàng	121183301323	Phan Thị Như	Quỳnh	Nữ	Quảng Nam	2,01	6,04	Trung bình	Trung bình
124	NHH3_12	Ngân hàng	121183301325	Trương Thị Thu	Thảo	Nữ	Đà Nẵng	2,35	6,71	TB Khá	Trung bình
125	NHH3_12	Ngân hàng	121183301326	Trương Thị	Thịnh	Nữ	Quảng Nam	2,31	6,59	Khá	Trung bình
126	TCDN1_12	Tài chính doanh nghiệp	121183303109	Trần Thị	Diện	Nữ	Bình Định	2,00	6,24	Khá	Trung bình
127	TCDN1_12	Tài chính doanh nghiệp	121183303167	Nguyễn Thị Thu	Trang	Nữ	Quảng Nam	2,24	6,40	Khá	Trung bình
128	TATM1_12	Tiếng Anh thương mại	121183401130	Lưu Thị Mỹ	Tươi	Nữ	Đà Nẵng	2,70	7,29	Khá	Khá
129	TATM1_12	Tiếng Anh thương mại	121183401138	Nguyễn Thị Hoàng	Vy	Nữ	Quảng Nam	2,44	6,86	Khá	Trung bình

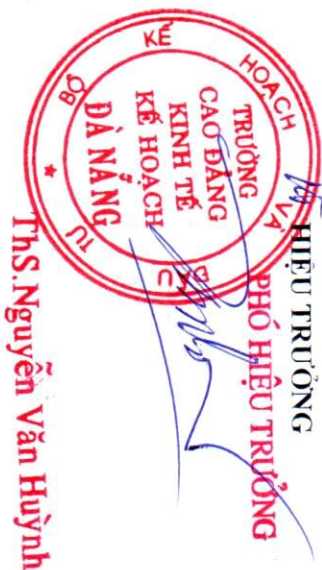
STT	LỚP	CHUYÊN NGÀNH	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	ĐIỂM TBTL		Xếp loại Rèn luyện	Xếp loại Tốt nghiệp
								Thang 4	Thang 10		
130	TATM2_12	Tiếng Anh thương mại	121183401209	Nguyễn Thị Khánh	Huong	Nữ	Quảng Nam	2,51	6,99	Tốt	Khá
131	TATM2_12	Tiếng Anh thương mại	121183401211	Lê Thị Mỹ	Lệ	Nữ	Quảng Nam	2,23	6,55	Tốt	Trung bình
132	TATM2_12	Tiếng Anh thương mại	121183401228	Võ Thị	Tinh	Nữ	Quảng Nam	2,49	6,86	Tốt	Trung bình
133	TATM3_12	Tiếng Anh thương mại	121183401302	Mai Thị	Cúc	Nữ	Quảng Trị	2,31	6,51	Khá	Trung bình
134	TATM3_12	Tiếng Anh thương mại	121183401316	Nguyễn Thị Hoài	Linh	Nữ	Đà Nẵng	2,50	6,85	Tốt	Khá
135	TATM3_12	Tiếng Anh thương mại	121183401338	Nguyễn Thị Mai	Yên	Nữ	Quảng Trị	2,16	6,36	Khá	Trung bình
136	TATM4_12	Tiếng Anh thương mại	121183401401	Nguyễn Thị Tuyết	An	Nữ	Quảng Nam	2,52	6,93	Khá	Khá
137	TATM4_12	Tiếng Anh thương mại	121183401404	Nguyễn Thị Kim	ánh	Nữ	Quảng Nam	2,62	7,18	Khá	Khá
138	TATM4_12	Tiếng Anh thương mại	121183401413	Bùi Thị	Lan	Nữ	Quảng Nam	2,12	6,48	Khá	Trung bình
139	TATM4_12	Tiếng Anh thương mại	121183401429	Võ Thị	Thu	Nữ	Quảng Nam	2,50	6,94	Khá	Khá
140	TATM5_12	Tiếng Anh thương mại	121183401517	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	Nữ	Quảng Nam	2,59	7,13	Khá	Khá
141	TATM6_12	Tiếng Anh thương mại	121183401602	Phan Thị	Anh	Nữ	Quảng Nam	2,28	6,63	Khá	Trung bình
142	TATM6_12	Tiếng Anh thương mại	121183401605	Bùi Thị	Huế	Nữ	Quảng Bình	2,35	6,71	Khá	Trung bình
143	TATM6_12	Tiếng Anh thương mại	121183401609	Hà Phương	Loan	Nữ	Đà Nẵng	2,29	6,67	Khá	Trung bình
144	TATM6_12	Tiếng Anh thương mại	121183401634	Phạm Lê Thùy	Trang	Nữ	Quảng Nam	2,55	7,01	Khá	Khá
145	TATM6_12	Tiếng Anh thương mại	121183401637	Lê Thị Tuyết	Vy	Nữ	Đà Nẵng	2,05	6,30	Khá	Trung bình
146	QTĐN1_13	Quản trị doanh nghiệp	131183102101	Hoàng Ngọc	Bảo	Nam	Quảng Trị	2,31	6,46	Khá	Trung bình
147	QTĐN1_13	Quản trị doanh nghiệp	131183102109	Nguyễn Thị Mỹ	Dung	Nữ	Quảng Nam	2,53	6,69	Tốt	Khá
148	QTĐN1_13	Quản trị doanh nghiệp	131183102127	Nguyễn Thị	Kiều	Nữ	Quảng Trị	3,24	7,87	Xuất sắc	Giỏi
149	QTĐN1_13	Quản trị doanh nghiệp	131183102133	Dương Thị	Mỹ	Nữ	Quảng Bình	3,02	7,46	Tốt	Khá
150	QTĐN1_13	Quản trị doanh nghiệp	131183102134	Nguyễn Thị Phương	Nga	Nữ	Quảng Nam	2,77	7,12	Tốt	Khá
151	QTĐN2_13	Quản trị doanh nghiệp	131183102250	Hoàng Ngọc	Lực	Nam	Quảng Nam	2,55	6,86	Khá	Khá
152	QTĐN3_13	Quản trị doanh nghiệp	131183102303	Phùng Thị Anh	Đào	Nữ	Quảng Nam	3,43	8,15	Xuất sắc	Giỏi
153	QTĐN3_13	Quản trị doanh nghiệp	131183102314	Phan Thị Thúy	Hằng	Nữ	Nghệ An	3,35	8,03	Xuất sắc	Giỏi
154	QTĐN3_13	Quản trị doanh nghiệp	131183102321	Nguyễn Thị	Hoài	Nữ	Quảng Trị	3,10	7,66	Tốt	Khá
155	QTĐN3_13	Quản trị doanh nghiệp	131183102354	Trần Thị Kim	Thoa	Nữ	Thừa Thiên Huế	3,57	8,39	Xuất sắc	Giỏi
156	Marl_13	Quản trị Marketing	131183103102	Trần Thị Ngọc	Ánh	Nữ	Quảng Ngãi	2,51	6,73	Tốt	Khá
157	Marl_13	Quản trị Marketing	131183103110	Nguyễn Thị Thu	Hiền	Nữ	Quảng Bình	2,57	6,82	Tốt	Khá
158	Marl_13	Quản trị Marketing	131183103114	Nguyễn Thị Thu	Huong	Nữ	Quảng Trị	3,53	8,37	Tốt	Giỏi
159	Marl_13	Quản trị Marketing	131183103122	Nguyễn Thị	Nhàn	Nữ	Quảng Bình	2,85	7,24	Tốt	Khá
160	Marl_13	Quản trị Marketing	131183103133	Nguyễn Trần Hoàng	Tù	Nam	Quảng Ngãi	3,05	7,62	Tốt	Khá
161	Marl_13	Quản trị Marketing	131183103137	Lê Thị	Vân	Nữ	Quảng Ngãi	3,40	8,04	Tốt	Giỏi
162	Marl_13	Quản trị Marketing	131183103139	Huyền Thị Thanh	Vy	Nữ	Quảng Nam	2,62	6,88	Tốt	Khá

STT	LỚP	CHUYÊN NGÀNH	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	ĐIỂM TBTL		Xếp loại Rèn luyện	Xếp loại Tốt nghiệp
								Thang 4	Thang 10		
163	QTDLKS1_13	Quản trị Du lịch Khách sạn	131183104106	Mạc Thị Công	12/04/1995	Nữ	Quảng Nam	2,90	7,33	Tốt	Khá
164	QTDLKS1_13	Quản trị Du lịch Khách sạn	131183104114	Đoàn Thị Hiệp	22/06/1995	Nữ	Quảng Nam	2,75	7,13	Tốt	Khá
165	QTDLKS1_13	Quản trị Du lịch Khách sạn	131183104133	Võ Trần Thị Hạ	26/09/1995	Nữ	Quảng Nam	3,05	7,56	Tốt	Khá
166	QTDLKS1_13	Quản trị Du lịch Khách sạn	131183104158	Mai Thị Hà	01/12/1994	Nữ	Thanh Hóa	2,91	7,33	Tốt	Khá
167	QTDLKS2_13	Quản trị Du lịch Khách sạn	131183104218	Hoàng Thị Mỹ	10/10/1995	Nữ	Quảng Nam	3,40	8,13	Tốt	Giỏi
168	QTDLKS3_13	Quản trị Du lịch Khách sạn	131183104318	Phan Thị Ngân	21/09/1995	Nữ	Quảng Nam	3,52	8,29	Tốt	Giỏi
169	QTDLKS3_13	Quản trị Du lịch Khách sạn	131183104320	Đặng Thị Hoàng	02/06/1995	Nữ	Đà Nẵng	2,85	7,26	Tốt	Khá
170	QTDLKS3_13	Quản trị Du lịch Khách sạn	131183104329	Hoàng Thị Nhung	25/08/1994	Nữ	Đắk Lắk	3,03	7,51	Tốt	Khá
171	QTDLKS3_13	Quản trị Du lịch Khách sạn	131183104336	Lê Thị Thắm	14/06/1994	Nữ	Quảng Nam	3,18	7,70	Tốt	Khá
172	QTDLKS3_13	Quản trị Du lịch Khách sạn	131183104337	Cao Thị Xuân	10/10/1994	Nữ	Quảng Nam	2,80	7,26	Tốt	Khá
173	QTDLKS3_13	Quản trị Du lịch Khách sạn	131183104338	Vân Thị Phương	11/03/1995	Nữ	Quảng Nam	3,81	9,01	Tốt	Xuất sắc
174	QTDLKS3_13	Quản trị Du lịch Khách sạn	131183104347	Trần Thị Ty	10/02/1994	Nữ	Thừa Thiên Huế	2,86	7,19	Tốt	Khá
175	QTDLKS3_13	Quản trị Du lịch Khách sạn	131183104349	Nguyễn Thị Thủy	10/05/1995	Nữ	Quảng Nam	3,28	7,90	Khá	Giỏi
176	QTDLKS3_13	Quản trị Du lịch Khách sạn	131183104350	Đoàn Thị Tường	26/11/1995	Nữ	Đắk Lắk	3,09	7,51	Tốt	Khá
177	QTDLKS3_13	Quản trị Du lịch Khách sạn	131183104355	Trần Thị Ngọc	26/06/1995	Nữ	Đà Nẵng	3,64	8,61	Tốt	Xuất sắc
178	QTDLKS4_13	Quản trị Du lịch Khách sạn	131183104440	Trương Thị Kim	15/06/1995	Nữ	Quảng Nam	3,02	7,42	Tốt	Khá
179	QTDLKS4_13	Quản trị Du lịch Khách sạn	131183104447	Nguyễn Thị Thanh	24/07/1995	Nữ	Quảng Nam	2,69	6,99	Khá	Khá
180	QTDLKS4_13	Quản trị Du lịch Khách sạn	131183104448	Phan Thị Xuyên	19/03/1995	Nữ	Quảng Nam	3,34	8,02	Tốt	Giỏi
181	QTDLKS5_13	Quản trị Du lịch Khách sạn	131183104502	Hoàng Mỹ Hồ	26/01/1995	Nữ	Quảng Nam	3,08	7,67	Tốt	Khá
182	QTDLKS5_13	Quản trị Du lịch Khách sạn	131183104512	Nguyễn Thị Kim	22/08/1995	Nữ	Hà Tĩnh	3,82	8,85	Tốt	Xuất sắc
183	QTDLKS5_13	Quản trị Du lịch Khách sạn	131183104517	Nguyễn Thị Thanh	24/05/1992	Nữ	Đà Nẵng	2,97	7,42	Tốt	Khá
184	QTDLKS5_13	Quản trị Du lịch Khách sạn	131183104521	Dương Thị Minh	14/02/1994	Nữ	Quảng Nam	3,12	7,59	Tốt	Khá
185	QTDLKS5_13	Quản trị Du lịch Khách sạn	131183104522	Trần Thị Thủy	05/04/1995	Nữ	Quảng Trị	3,32	7,99	Xuất sắc	Giỏi
186	QTDLKS5_13	Quản trị Du lịch Khách sạn	131183104525	Trần Thị Thu	30/04/1994	Nữ	Quảng Nam	3,82	8,83	Xuất sắc	Xuất sắc
187	QTDLKS5_13	Quản trị Du lịch Khách sạn	131183104526	Nguyễn Thị Cẩm	18/05/1995	Nữ	Quảng Nam	3,12	7,59	Tốt	Khá
188	QTDLKS5_13	Quản trị Du lịch Khách sạn	131183104529	Phan Thị Cẩm	22/07/1995	Nữ	Quảng Nam	2,71	7,09	Tốt	Khá
189	QTDLKS5_13	Quản trị Du lịch Khách sạn	131183104553	Lê Thị Quỳnh	27/07/1995	Nữ	Quảng Trị	3,11	7,61	Tốt	Khá
190	KTTH10_13	Kế toán tổng hợp	131183201001	Ngô Thị Quỳnh	06/03/1994	Nữ	Thừa Thiên Huế	2,88	7,24	Tốt	Khá
191	KTTH10_13	Kế toán tổng hợp	131183201003	Trần Thị Thanh	16/12/1995	Nữ	Quảng Nam	3,19	7,80	Tốt	Khá
192	KTTH10_13	Kế toán tổng hợp	131183201008	Nguyễn Thị Hào	25/06/1995	Nữ	Quảng Bình	3,08	7,55	Tốt	Khá
193	KTTH1_13	Kế toán tổng hợp	131183201111	Hồ Thị Thu	12/11/1994	Nữ	Quảng Ngãi	3,51	8,43	Tốt	Giỏi
194	KTTH1_13	Kế toán tổng hợp	131183201116	Nguyễn Thị Thu	03/10/1995	Nữ	Quảng Bình	3,64	8,64	Khá	Xuất sắc
195	KTTH1_13	Kế toán tổng hợp	131183201117	Võ Thị Hồng	03/09/1995	Nữ	Đắk Lắk	2,73	7,07	Xuất sắc	Khá

STT	LỚP	CHUYÊN NGÀNH	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	ĐIỂM TBTL		Xếp loại Rèn luyện	Xếp loại Tốt nghiệp
								Thang 4	Thang 10		
229	KTTTH6_13	Kế toán tổng hợp	131183201651	Hoàng Thị Tú	22/02/1995	Nữ	Quảng Trị	2,89	7,36	Tốt	Khá
230	KTTTH7_13	Kế toán tổng hợp	131183201740	Lê Thị Thuận	05/09/1995	Nữ	Quảng Nam	3,10	7,65	Khá	Khá
231	KTTTH7_13	Kế toán tổng hợp	131183201750	Nguyễn Thị Trâm	25/12/1995	Nữ	Đắk Lắk	3,14	7,66	Xuất sắc	Khá
232	KTTTH7_13	Kế toán tổng hợp	131183201756	Nguyễn Thị út	20/09/1995	Nữ	Thừa Thiên Huế	2,85	7,33	Tốt	Khá
233	KTTTH8_13	Kế toán tổng hợp	131183201803	Lê Thị Diệp	07/07/1994	Nữ	Đà Nẵng	3,31	8,01	Tốt	Giỏi
234	KTTTH8_13	Kế toán tổng hợp	131183201806	Đào Thùy Giang	08/01/1992	Nữ	Quảng Nam	2,76	7,09	Tốt	Khá
235	KTTTH8_13	Kế toán tổng hợp	131183201810	Nguyễn Thị Hạnh	10/01/1995	Nữ	Quảng Nam	3,37	8,06	Tốt	Giỏi
236	KTTTH8_13	Kế toán tổng hợp	131183201814	Phan Thị Hồng	01/06/1994	Nữ	Quảng Nam	3,72	8,70	Tốt	Xuất sắc
237	KTTTH8_13	Kế toán tổng hợp	131183201815	Nguyễn Thị Huệ	25/12/1995	Nữ	Thừa Thiên Huế	2,64	6,89	Tốt	Khá
238	KTTTH8_13	Kế toán tổng hợp	131183201823	Dương Thị Luyến	13/04/1994	Nữ	Quảng Nam	3,32	8,02	Tốt	Giỏi
239	KTTTH8_13	Kế toán tổng hợp	131183201824	Phạm Thị Ly Na	29/06/1995	Nữ	Đà Nẵng	3,01	7,53	Tốt	Khá
240	KTTTH8_13	Kế toán tổng hợp	131183201827	Nguyễn Thị Bích Ngọc	01/03/1995	Nữ	Quảng Nam	3,53	8,45	Tốt	Giỏi
241	KTTTH8_13	Kế toán tổng hợp	131183201834	Lê Thị Kim Oanh	02/03/1994	Nữ	Quảng Nam	3,14	7,75	Tốt	Khá
242	KTTTH8_13	Kế toán tổng hợp	131183201837	Lê Thị Ngọc Phước	28/12/1994	Nữ	Quảng Nam	2,75	7,16	Tốt	Khá
243	KTTTH8_13	Kế toán tổng hợp	131183201841	Nguyễn Thị Tuyết Sa	16/04/1995	Nữ	Quảng Ngãi	3,29	8,00	Tốt	Giỏi
244	KTTTH8_13	Kế toán tổng hợp	131183201850	Nguyễn Thị Thanh	18/11/1995	Nữ	Quảng Trị	3,84	8,99	Xuất sắc	Xuất sắc
245	KTTTH9_13	Kế toán tổng hợp	131183201906	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	08/07/1995	Nữ	Quảng Nam	3,29	8,06	Tốt	Giỏi
246	KTTTH9_13	Kế toán tổng hợp	131183201907	Lê Nguyễn Ngân Hà	02/12/1994	Nữ	Quảng Trị	3,27	8,13	Tốt	Giỏi
247	KTTTH9_13	Kế toán tổng hợp	131183201915	Nguyễn Thị Hương	02/01/1995	Nữ	Quảng Nam	2,07	6,02	Tốt	Trung bình
248	KTTTH9_13	Kế toán tổng hợp	131183201929	Nguyễn Thị Ngọc Mỹ	04/04/1995	Nữ	Quảng Bình	3,32	8,02	Tốt	Giỏi
249	KTTTH9_13	Kế toán tổng hợp	131183201957	Trần Thị Thái Bảo	09/10/1995	Nữ	Quảng Nam	3,23	7,89	Tốt	Giỏi
250	KTTDN1_13	Kế toán doanh nghiệp	131183202104	Nguyễn Lê Gia Bảo	22/09/1995	Nữ	Bình Định	3,07	7,64	Khá	Khá
251	KTTDN1_13	Kế toán doanh nghiệp	131183202105	Lê Thị Ngọc Diễm	20/08/1995	Nữ	Đà Nẵng	2,57	6,87	Tốt	Khá
252	KTTDN1_13	Kế toán doanh nghiệp	131183202122	Phan Thị Như Mơ	30/06/1995	Nữ	Quảng Nam	2,90	7,34	Tốt	Khá
253	KTTDN1_13	Kế toán doanh nghiệp	131183202130	Hoàng Thị My Ny	02/02/1994	Nữ	Thừa Thiên Huế	3,52	8,48	Tốt	Giỏi
254	KTTDN1_13	Kế toán doanh nghiệp	131183202134	Lê Thị Lệ Quyên	28/03/1994	Nữ	Đắk Nông	2,78	7,14	Tốt	Khá
255	KTTDN1_13	Kế toán doanh nghiệp	131183202148	Nguyễn Thị Thùy Trân	06/09/1995	Nữ	Đà Nẵng	3,34	8,11	Tốt	Giỏi
256	KTTDN1_13	Kế toán doanh nghiệp	131183202160	Phạm Thị Khánh Ly	22/12/1995	Nữ	Đà Nẵng	2,82	7,20	Xuất sắc	Khá
257	KTTDN1_13	Kế toán doanh nghiệp	131183202161	Nguyễn Thị Nhi	04/04/1995	Nữ	Thừa Thiên Huế	2,82	7,29	Tốt	Khá
258	KTTDN1_13	Kế toán doanh nghiệp	131183202162	Trần Thị Trang	06/03/1995	Nữ	Hà Tĩnh	3,21	7,75	Tốt	Giỏi
259	KTTDN1_13	Kế toán doanh nghiệp	131183202163	Lê Thị Bạch Tuyết	23/04/1995	Nữ	Quảng Trị	3,05	7,59	Tốt	Khá
260	NH1_13	Ngân hàng	131183301108	Nguyễn Thị Ngà	02/01/1994	Nữ	Quảng Ngãi	2,70	7,03	Tốt	Khá
261	NH1_13	Ngân hàng	131183301117	Lê Thị Tú	23/12/1995	Nữ	Quảng Bình	3,14	7,62	Tốt	Khá

STT	LỚP	CHUYÊN NGÀNH	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	ĐIỂM TBTL		Xếp loại Rèn luyện	Xếp loại Tốt nghiệp
								Thang 4	Thang 10		
262	NHI_13	Ngân hàng	131183301121	Võ Thị Ánh	22/04/1994	Nữ	Đà Nẵng	2,70	7,07	Tốt	Khá
263	NHI_13	Ngân hàng	131183301123	Nguyễn Văn	04/06/1994	Nam	Quảng Trị	2,76	7,04	Tốt	Khá
264	NHI_13	Ngân hàng	131183301126	Dương Thị Bích	19/04/1995	Nữ	Quảng Trị	2,37	6,46	Tốt	Trung bình
265	NHI_13	Ngân hàng	131183301127	Phan Thị Thảo	06/05/1995	Nữ	Bình Định	2,64	6,91	Tốt	Khá
266	TCDN1_13	Tài chính doanh nghiệp	131183303104	Nguyễn Thị Thúy	15/08/1995	Nữ	Quảng Bình	2,66	6,94	Tốt	Khá
267	TCDN1_13	Tài chính doanh nghiệp	131183303106	Trần Văn	29/03/1995	Nam	Quảng Trị	2,72	7,08	Tốt	Khá
268	TCDN1_13	Tài chính doanh nghiệp	131183303107	Trần Thị Mỹ	14/08/1995	Nữ	Quảng Trị	2,59	6,92	Khá	Khá
269	TCDN1_13	Tài chính doanh nghiệp	131183303117	Huỳnh Thị	20/04/1993	Nữ	Quảng Nam	2,72	7,08	Khá	Khá

Danh sách này có 269 người



ThS. Nguyễn Văn Huỳnh

Đà Nẵng, ngày 12 tháng 4 năm 2016
Người lập danh sách

Nguyễn Tiến Đạt